



Nán měi zhōu

南美洲

Noun · South America

Example Sentences

Nán měi zhōu yǒu hěn duō měi lì de zì rán fēng guāng
南美洲有很多美丽的自然风光。

South America has many beautiful natural landscapes.

nǐ liǎo jiě nà ge wèi yú nán měi zhōu de gòng hé guó ma
你了解那个位于南美洲的共和国吗？

Do you know about that republic located in South America?

Trace each character, then write the word on your own.

南	南	南	南	南	南	南	南	南	南	南
南										

美	美	美	美	美	美	美	美	美	美	美
美										

洲	洲	洲	洲	洲	洲	洲	洲	洲	洲	洲
洲										